TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **59**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 10 - 2021
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Ông Đào Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Kim Đ**, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông **Trác Văn L**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Kim Đ trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1986, tôi với ông Trác Văn L do thương yêu nhau nên tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không có đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nên bà với ông L đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà Đ với ông L không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng với ông L không còn nên bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà Đ với ông L chung sống có 02 người con chung, gồm: Trác Thành N, sinh năm 1988 và Trác Hồng N, sinh năm 1990, hiện 02 con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Đ với ông L chung sống tạo lập được các phần đất sau: Phần đất trồng lúa tại thửa 222 tờ bản đồ số 16 diện tích 317m^2, phần đất trồng lúa thửa 221 tờ bản đồ số 16 diện tích 285m^2, trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4, chiều ngang 4,2m x dài 10m = 42m^2 có kết cấu vách tường xây, mái lợp tôn xi măng, nền gạch men và 01 căn nhà phụ chiều ngang 06m x dài 06m = 36m^2 có kết cấu mái lợp tôn thiếc, đở mái sắt, khung sườn sắt, nền xi măng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trác Văn L đứng tên quyền sử dụng đất. Nhà và đất nêu trên hiện do bà Đ đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, bà Đ với ông L tự thỏa thuận phân chia cho các con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ xác định trong thời gian chung sống với ông L vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trác Văn L: Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nơi cư trú của ông L để tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cho ông L nhưng ông L không đến Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu để làm việc nên không ghi nhận ý kiến của ông L đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Theo ông Vưu Văn Tuấn là Trưởng ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu xác nhận: Bà Đ và ông L chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, hiện bà Đ và ông L còn đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa phương; từ khoảng 05 năm – 06 năm nay, bà Đ và ông L không còn chung sống với nhau (sống ly thân); ông L đi làm thuê ở tỉnh Sóc Trăng, khoảng 01 – 02 tháng có về địa phương thăm con. Hiện bà Đ và ông L không có nợ bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thực hiện chức năng kiểm sát thì Viện kiểm sát không phát hiện vi phạm. Bà Đ đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông L chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Đ đối với ông Trác Văn L, cho bà Đ ly hôn với ông L. Về con chung: 02 con của bà Đ và ông L đã trưởng thành, có đủ khả năng nuôi sống bản thân, bà Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Bà Đ tự thỏa thuận với ông L, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết; về nợ chung: Bà Đ xác định giữa bà Đ với ông L chung sống không có nợ bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Kim Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trác Văn L; ông Trác Văn L có địa chỉ cư trú tại ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về tố tụng: Ngày 18/5/2021, bà Nguyễn Kim Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Ông Trác Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ, ông L.

[3] Về hôn nhân: Năm 1986, bà Đ và ông L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, các điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì hôn nhân giữa bà Đ và ông L là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Nay bà Đ yêu cầu ly hôn với ông L do đã sống ly thân khoảng 10 năm nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Đ và ông L ly hôn.

[4] Về con chung: Bà Đ và ông L chung sống với nhau có 02 người con chung, gồm: Trác Thành N, sinh năm 1988 và Trác Hồng N, sinh năm 1990. Xét thấy, hiện 02 cháu Trác Thành N và Trác Hồng N đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Đ với ông L chung sống tạo lập được các phần đất sau: Phần đất trồng lúa tại thửa 222 tờ bản đồ số 16 diện tích 317m^2, phần đất trồng lúa thửa 221 tờ bản đồ số 16 diện tích 285m^2, trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4, chiều ngang 4,2m x dài 10m = 42m^2 có kết cấu vách tường xây, mái lợp tôn xi măng, nền gạch men và 01 căn nhà phụ chiều ngang 06m x dài 06m = 36m^2 có kết cấu mái lợp tôn thiếc, đở mái sắt, khung sườn sắt, nền xi măng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trác Văn L đứng tên quyền sử dụng đất. Nhà và đất nêu trên hiện do bà Đ đang quản lý, sử dụng. Bà Đ với ông L tự thỏa thuận phân chia cho các con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Đ xác định trong thời gian chung sống với ông L vợ chồng không có nợ chung và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai số 0000532 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu; bà Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 14, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Kim Đ đối với ông Trác Văn L. Cho bà Đ ly hôn với ông L.

2. Về con chung: Đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Bà Đ và ông L tự thỏa thuận và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đ phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai số 0000532 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu; bà Đ đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND thị trấn C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hoàng Tính